

PHỤ LỤC 2: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
12 THÁNG NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 328 /UBND-KT ngày 01 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSDP	91.560.859	104.526.272	114,16	62,81
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	35.110.000	31.035.142	88,39	71,67
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	40.377.960	34.459.904	85,34	99,45
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư năm trước		7.089.369		12,38
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		27.458.493		99,59
6	Thu viện trợ		4.500		0,54
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	4.410.738	50,74	160,91
8	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	7.379.754			
9	Các khoản huy động, đóng góp		68.126		115,28
B	TỔNG CHI NSDP	102.048.059	84.290.059	82,60	109,63
I	Chi cân đối NSDP	93.354.914	78.415.301	84,00	106,71
1	Chi đầu tư phát triển	36.103.906	40.862.899	113,18	133,69
2	Chi thường xuyên	46.650.000	36.352.797	77,93	97,19
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.607.948	1.188.205	73,90	106,41
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	11.400	100,00	100,00
5	Dự phòng ngân sách	3.500.000	0	0,00	
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	6.287.938	0	0,00	0,00
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	8.693.145	5.874.758	67,58	172,79
III	Chi từ nguồn thu để lại quản lý chi qua ngân sách				
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	3.791.927	6.089.037	160,58	1.606,60

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ